

UNIT 3:**TEENAGERS****A CLOSER LOOK 1****I/ NEW WORDS:**

1.upload /ʌp'ləʊd/	(v): tải lên
2.browse /braʊz/	(v): đọc lướt, tìm trên mạng
3.log onto an account	(v): đăng nhập vào 1 tài khoản
4.connect /kə'nekt/	(v): kết nối
5. check notification	(v): kiểm tra thông báo
6. post /pəʊst/	(n): bưu kiện (v): gửi thư
7.expectation /,ek.spek'teɪ.ʃən/	(n): sự mong đợi, kì vọng
8.scare /skeər/	(v): làm sợ hãi
9.bully /'bʊl.i/	(v): bắt nạt (n) : người bắt nạt
10.bullying	(n): sự bắt nạt
11.concentrate /'kɒn.sən.treɪt/	(v): tập trung
12. peer /piər/	(n);bạn đồng lứa, ngang hàng
13. ensure /ɪn'ʃʊr/	(v) bảo đảm
14. tournament /'tʌə.nə.mənt/	(n): vòng thi đấu
15.mature /mə'tʃʊər/	(adj): chín chắn , trưởng thành
16. annoy /ə'noɪ/	(v): quấy rầy, làm bực mình

